

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 639/2026/HS-ST
Ngày: 07 – 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dương

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đường Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 428/2026/HSST ngày 25 thng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 706/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Đặng Hà N, sinh năm 1992; nơi thường trú: **Ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang** (nay là **Ấp E, xã V, Thành phố Cần Thơ**); nơi cư trú: Nhà không số (cạnh nhà **số H**), **Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Đặng Văn D** và bà **Hồ Thị Mỹ T**; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 anh em; có vợ là **Trần Thụy Huỳnh N1**, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 187/QĐ-TA ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 572/QĐ-TA ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/7/2025 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **Số A Đường số D, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**
– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 02/7/2025, **Đặng Hà N** điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future màu trắng đỏ biển số 50AB – 412.01 đi từ nhà tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** đến khu vực **phường T**, để tìm người có tài sản để cướp giật. Khi **N** chạy xe đến trước nhà **số B đường A, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** thì phát hiện chị **Lê Thị B** (sinh năm 1976) đang ngồi trên xe đạp điện để mua đồ, trên cổ chị **B** có đeo sợi dây chuyền bằng vàng nên **N** điều khiển xe mô tô áp sát bên trái chị **B**, dừng xe lại (xe còn nổ máy) khoảng 05 giây để quan sát, sau đó **N** dùng tay trái nhanh chóng giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị **B** rồi tăng ga bỏ chạy, chị **B** truy hô “Cướp, cướp”. **N** chạy xe về hướng **chợ N2 T**, vừa chạy xe **N** vừa bỏ sợi dây chuyền vừa giật được vào túi trái quần. **N** chạy xe đến đối diện số 156 **T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** thì dừng xe lại để cởi và vứt bỏ áo khoác bên đường. Sau đó, **N** mang sợi dây chuyền đến **tiệm V** địa chỉ **G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** do anh **Phạm Lê K** làm chủ bán với giá 54.000.000 đồng. Sau khi bán xong, **N** quay lại bụi cây đối diện địa chỉ **số A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** tiếp tục thay áo khác và vứt bỏ áo vừa mặc lại. Sau đó, **N** điều khiển xe mô tô về nhà trọ của **N** tại nhà không số, cạnh nhà **số H, Khu phố I (nay là khu phố D), phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. **N** đưa cho vợ là chị **Trần Thụy Huỳnh N1** số tiền 25.000.000 đồng, **N1** nói “tiền này do trước đó đi làm mà có”, không nói tiền trên do phạm tội mà có, **N1** đã tiêu xài hết 24.000.000 đồng, còn lại số tiền 5.000.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ ngày 03/7/2025, **N1** bắt **G** đến khu vực **đường Đ, phường P** để uống cà phê, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Công an phường tuần tra, phát hiện đưa **N1** về phường làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H**, **Đặng Hà N** khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 07 ngày 08/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 0.92 lượng vàng (loại vàng 610) có giá trị 58.743.803 đồng (BL 44).

Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 0,92 lượng vàng 610, (sợi dây chuyền đã bị nung nấu nên không thu hồi được);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu trắng đỏ biển số 50AB – 412.01; Qua xác minh, xe mô tô biển số 50AB – 412.01 do chị **Trần Thụy Huỳnh N1**, là vợ của **N1** đứng tên chủ sở hữu. Ngày 02/7/2025, **Đặng Hà N** lấy xe mô tô của chị **N** để đi làm, chị **N** không biết **N** sử dụng xe đi cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** đã ra Quyết định trả lại xe cho chị **N**.

- 01 nón bảo hiểm màu xám, 01 nón tai bèo jean màu xanh, 01 đôi dép quai ngang, số tiền 5.000.000 đồng;

- 02 USB có chứa nội dung liên quan đến vụ án (lưu hồ sơ).

Đối với các vật chứng thu giữ, đã chuyển đến Thi hành **án dân sự Thành phố H** - Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 bảo quản chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Chị **Lê Thị B** đã nhận được tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 636/CT-VKSKV2 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố **Đặng Hà N** về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - **Thành phố Hồ Chí Minh** vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), xử phạt bị cáo **Đặng Hà N** từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2025.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Khoảng 06 giờ ngày 02/7/2025, tại trước nhà số B Đường A, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Đặng Hà N sử dụng xe mô tô biển số 50AB – 412.01, nhanh chóng bất ngờ giật lấy sợi dây chuyền vàng, trọng lượng 0,92 lượng vàng 610, trị giá 58.743.803 đồng của chị Lê Thị B.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để nhanh chóng tiếp cận, thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại có giá trị 58.743.803 đồng, nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ

hành vi phạm tội, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị **Lê Thị B** đã nhận được tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[6] Đối với anh **Phạm Lê K** là chủ **tiệm V** mua lại sợi dây chuyền không biết do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng, vật, tiền liên quan đến việc phạm tội:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu trắng đỏ biển số 50AB – 412.01; Qua xác minh, xe mô tô biển số 50AB – 412.01 do chị **Trần Thụy Huỳnh N1**, là vợ của **N1** đứng tên chủ sở hữu. Ngày 02/7/2025, **Đặng Hà N** lấy xe mô tô của chị **N** để đi làm, chị **N** không biết **N** sử dụng xe đi cướp giật tài sản. Ngày 09/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** đã ra Quyết định số 1643/QĐ-CSHS trả lại xe cho chị **N** là có cơ sở;

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu xám, 01 nón tai bèo jean màu xanh, 01 đôi dép quai ngang là các tài sản cá nhân của bị cáo, bị cáo không yêu cầu nhận lại các tài sản này do đó cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo, xét đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 02 USB có chứa nội dung liên quan đến vụ án. Xét đây là dữ liệu điện tử chứng minh quá trình phạm tội của bị cáo, do đó cần tiếp tục lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo **Đặng Hà N** 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ 16/7/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 nón bảo hiểm màu xám;

+ 01 nón tai bèo jean màu xanh;

+ 01 đôi dép quai ngang.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 274/QĐ-VKSKV2 ngày 12/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 04/5/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự Khu vực 2.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

Theo giấy nộp tiền mặt ngày 04/5/2026.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – TP. HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu

